

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10-8-2023.

“V/v anh H xin ly hôn với chị T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Mạnh.

2. Bà Trần Thị Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số 9, ngõ 35, thôn Y, xã Y, huyện G L, thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa: Vắng mặt anh H và chị T (Anh H và chị T đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 06-7-2023 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là anh Đỗ Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Văn H và chị Nguyễn Thị Huyền T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng anh H, chị T sinh sống cùng với bố mẹ đẻ của anh ở thôn H, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định. Vợ chồng chung sống hòa thuận với nhau đến khoảng năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm; vì điều kiện công việc nên vợ chồng mỗi người một nơi, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng có khoảng cách, hơn nữa vợ chồng sống chung nhiều năm mà không có con....Từ tháng 4-2022, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị T ở huyện G L, thành phố Hà Nội để sinh sống. Anh H đã nhiều lần gọi điện cho chị T để thuyết phục chị T quay về chung sống cùng với anh nhưng chị T không đồng ý. Anh H và chị T sống ly thân từ đó cho đến nay, mỗi người một nơi và không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa. Nay anh H xác định tình cảm, tình nghĩa vợ, chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Huyền T.

- Về con chung, về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Anh và chị T không có gì vì vậy anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 06-7-2023 và đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án ly hôn vắng mặt của bị đơn ngày 06-7-2023, bị đơn là chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày: Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và thời gian vợ chồng sống ly thân đúng như anh H đã trình bày ở trên. Nay chị xác định tình cảm, tình nghĩa vợ chồng không còn, bản thân chị không còn tình cảm gì với anh H nên chị đồng ý ly hôn với anh Đỗ Văn H.

- Về con chung, về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng và những vấn đề khác có liên quan: Chị và anh H không có gì vì vậy chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đồng thời chị T xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và xin vắng mặt tại phiên tòa vì điều kiện ở xa.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 10-7-2023, Ủy ban nhân dân xã Đ cung cấp: Anh Đỗ Văn H và chị Nguyễn Thị Huyền T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào năm 2019. Sau khi kết hôn vợ chồng anh H và chị T sinh sống ở thôn Hồng Tiến, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định. Khoảng năm 2022, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ của chị T ở huyện G L, thành phố Hà Nội để làm ăn và sinh sống. Anh H và chị T sống ly thân từ đó cho đến nay.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của các đương sự.

- Về các yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Văn H; cụ thể.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Đỗ Văn H và chị Nguyễn Thị Huyền T.

+ Về con chung, về tài sản, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về án phí ly hôn: Buộc anh H nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là chị Nguyễn Thị Huyền T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Y, huyện G L, thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, anh H và chị T có đơn thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định để giải quyết vụ án ly hôn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời anh H và chị T đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, anh H và chị T đã sống ly thân từ tháng 4-2022 cho đến nay. Xét thấy hiện nay anh H, chị T mỗi người mỗi nơi, thực sự không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Từ lâu đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc gia đình, đặc biệt cả hai bên không còn thiện chí thực hiện nghĩa vụ sống chung với nhau theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về “Tình nghĩa vợ chồng”. Điều đó chứng tỏ mục đích của hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không còn

nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H xử cho anh được ly hôn với chị T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung, về tài sản, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đỗ Văn H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa anh Đỗ Văn H và chị Nguyễn Thị Huyền T.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đỗ Văn H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh H đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001684 ngày 06-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Như vậy, anh H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hiến

